

Vietnam Daily Review

VN-Index bo cua khét lệt, vĩa lên gần 20 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/1/2022		•	
Tuần 10/1-14/1/2022		•	
Tháng 1/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau khi đón nhận phiên giảm 11 điểm ngày hôm qua và gói kích thích kinh tế được thông qua thì tưởng chừng mùa chợ tết sắp tới giúp cho VN-Index tìm lại chính mình. Nhưng không, với việc 2 anh hùng người đất Bắc, người trời Nam rút lui đã khiến cho trụ chống VN-Index hiện tại là ngành Bất động sản đổ sập và nằm sàn gần như cả ngày hôm nay. Thị trường đi nặng trong gần như cả phiên cho tới khi 14h, đôi bạn bank chứng đã vùng dậy mạnh mẽ, góp phần đem lại hi vọng về một cái Tết có “bánk chung” cho nhà đầu tư. VN-Index đóng cửa tại mức cao nhất ngày 1510.51 điểm với sự gánh team thành công của ngân hàng và chứng khoán. Độ rộng thị trường khá cân bằng với chỉ 10/19 ngành tăng điểm. Giao dịch khối ngoại hôm nay là điểm sáng với phiên thứ 2 mua ròng liên tiếp trên cả hai sàn HSX và HNX. Dựa trên phân tích kỹ thuật, hiện tại VNIndex có thể coi như kiểm tra thành công ngưỡng MA20 - ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn của thị trường. Chỉ số sẽ có lẽ sẽ tiếp tục cổ vãi phiên tích lũy và kiểm tra quanh ngưỡng MA20 - tương ứng với vùng 1495-1505 trước khi có đủ lực vươn lên những mục tiêu tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/01/2022, phần lớn các chứng quyền phân hóa theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: TID_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn:

- VN-Index **+18.20** điểm, đóng cửa **1,510.51** điểm. HNX-Index **-7.97** điểm, đóng cửa **473.64** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+3.55)**, **GAS (+2.30)**, **TCB (+1.75)**, **CTG (+1.41)**, **HPG (+1.26)**.
- Kéo chỉ số giảm: **DIG (-1.06)**, **GEX (-0.75)**, **NVL (-0.34)**, **PDR (-0.33)**, **VNM (-0.32)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **34,610** tỷ đồng, tăng **6.0%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 35,709 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 46 điểm. Thị trường có **203** mã tăng, 44 mã tham chiều và **267** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **423.71** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **KBC (135.72 tỷ)**, **DXG (94.88 tỷ)**, **KDH (90.38 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **35.21** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1510.51**
Giá trị: 32642.84 tỷ **18.2 (1.22%)**
Khối ngoại (ròng): 423.71 tỷ

HNX-INDEX **473.64**
Giá trị: 3874.06 tỷ **-7.97 (-1.65%)**
Khối ngoại (ròng): 35.21 tỷ

UPCOM-INDEX **114.19**
Giá trị: 2063.14 tỷ **-0.35 (-0.31%)**
Khối ngoại(ròng): 44.35 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	81.7	0.57%
Giá vàng	1,817	-0.24%
Tỷ giá USD/VND	22,700	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,797	0.31%
Tỷ giá JPY/VND	19,672	0.21%
LS liên NH 1 tháng	2.1%	8.11%
LS TPCP 5 năm	1.0%	-7.14%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KBC	135.7	CTG	-63.4
DXG	94.9	HSG	-47.7
KDH	90.4	HCM	-33.2
VHM	69.0	OCB	-27.7
VCB	62.7	FUEVFN	-22.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 12/01

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	81.32	0.12%	4.50%	13.80%	60.17%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	83.61	-0.13%	3.50%	12.60%	58.86%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	234.83	-0.39%	2.50%	10.40%	62.15%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1819.57	-0.11%	0.50%	1.80%	-1.96%		PNJ
Bạc	USD/ounce	22.73	-0.25%	-0.40%	1.70%	-10.34%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1384.50	-0.14%	-0.70%	8.70%	19.95%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	767.50	-0.36%	0.90%	-2.30%	15.50%		AFX
Sữa	USD /cwt	21.83	-1.67%	-2.30%	9.40%	28.26%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	209.35	0.93%	1.50%	0.00%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.11	1.57%	-3.40%	-8.00%	26.55%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	237.05	0.92%	2.30%	-1.30%	80.75%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9719.50	1.63%	-0.50%	1.30%	21.87%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	723.63	1.89%	4.10%	7.00%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	744.53	1.75%	4.40%	6.90%			
Nhôm	USD/ton	2970.00	1.31%	4.60%	13.00%	47.07%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	114.53	2.03%	5.90%	14.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	153.35	-2.08%	0.00%	1.00%	90.38%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent trên sàn London tăng 2.85 USD, tương đương 3.5%, lên 83.72 USD/thùng, mức cao nhất kể từ đầu tháng 11. Giá dầu ngọt nhẹ Mỹ (WTI) kết thúc phiên cũng tăng 2.99 đô la, tương đương 3.8%, chốt ở 81.22 đô la, cũng là mức giá cao nhất kể từ giữa tháng 11.
- Giá dầu tăng mạnh, gần 4%, trong phiên vừa qua do nguồn cung thắt chặt và kỳ vọng rằng số ca nhiễm virus Covid-19 gia tăng và sự lây lan của biến thể Omicron sẽ không làm chệch hướng hồi phục kinh tế toàn cầu.

Giá vàng

- Kết thúc phiên, giá vàng giao ngay tăng 1% lên 1,819.58 USD/ounce, trong khi giá vàng kỳ hạn tháng 2 tăng 1.1% lên 1,818.50 USD.
- Giá vàng tăng 1% do USD yếu đi sau bài điều trần của Chủ tịch Fed, ông Jerome Powell, trước Quốc hội đã không tạo ra bất kỳ bất ngờ nào về chính sách thắt chặt tiền tệ, trong khi lợi suất trái phiếu Mỹ giảm cũng hỗ trợ giá vàng hồi phục.

Giá sắt thép

- Hợp đồng thép không gỉ kỳ hạn tháng 2 trên sàn Thượng Hải phiên vừa qua có lúc tăng 5.3% lên 17,920 nhân dân tệ (2,812.39 USD)/tấn, kết thúc phiên vẫn tăng 4.4% lên 17,760 nhân dân tệ/tấn.
- Giá các loại thép khác trên sàn Thượng Hải cũng tăng. Thép thanh vẫn dùng trong xây dựng, kỳ hạn giao tháng 5, tăng 2% lên 4,589 nhân dân tệ/tấn; thép cuộn cán nóng, được sử dụng trong sản xuất ô tô và thiết bị gia dụng, tăng 1.6% lên 4,719 nhân dân tệ/tấn vào lúc đóng cửa.

Giá cao su

- Cao su kỳ hạn tháng 6 trên Sở giao dịch Osaka kết thúc phiên vừa qua đã giảm 1.9 yên, tương đương 0.8%, xuống 239.5 yên (2.1 USD)/kg. Phiên liền trước, thứ Hai (10/1), thị trường tài chính Nhật Bản đã đóng cửa nghỉ lễ.
- Giá cao su kỳ hạn trên thị trường Nhật Bản giảm trong phiên vừa qua do đồng yên phục hồi so với đồng đô la thúc đẩy hoạt động bán ra, trong khi lo ngại rằng sự lây lan của biến thể Omicron trên toàn thế giới có thể làm nhu cầu toàn cầu đối với vật liệu này chậm lại, khiến tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường bị suy giảm.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica giao tháng 3 tăng 2.15 cent, tương đương 0.9%, lên 2.3705 USD/lb. Giá cà phê robusta giao tháng phiên này cũng tăng 8 USD, tương đương 0.4%, lên 2,268 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3 tăng 0,28 cent, tương đương 1.6%, lên 18.11 cent/lb, lấy lại một phần đã mất, sau khi giảm xuống mức thấp nhất trong 5-1/2 tháng là 17.60 cent vào hôm thứ Hai (10/1). Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn phiên này cũng tăng 8.50 USD hay 1.8% lên 489.80 USD/tấn.

	12/1	% 12/1	11/1	% 11/1	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1510.51	1.22%	1492.31	-0.76%	-0.79%	3.21%
S&P 500			4713.07	0.92%	-1.68%	0.98%
HĐTL S&P500	4708.25	0.07%	4705.00	0.92%	0.34%	0.10%
Shang- hai	3597.43	0.84%	3567.44	-0.73%	0.06%	-1.88%
Euro Stoxx	4305.99	0.57%	4281.54	0.99%	-1.96%	2.94%

Phân tích kỹ thuật

TID_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, sắp chạm ngưỡng mua quá.

Nhận định: TID đang nằm trong xu hướng hồi phục sau khi hình thành mô hình 2 đáy quanh ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 55.2. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với xu hướng tăng của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang ủng hộ lại xu hướng tăng giá này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20 và MA50 trong phiên hôm nay, cho thấy xu hướng tăng giá đã hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 61.9, chốt lãi tại ngưỡng 75.3 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống 57.5.

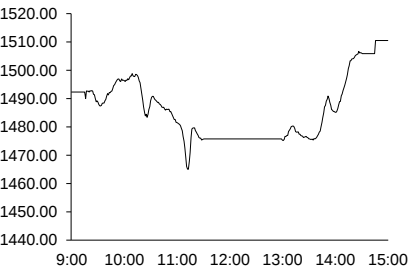
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	9.45%
Truyền thông	5.92%
Ngân hàng	3.68%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.58%
Bán lẻ	2.48%
Dầu khí	2.39%
Dịch vụ tài chính	2.16%
Tài nguyên Cơ bản	1.68%
Hóa chất	0.84%
Bảo hiểm	0.21%
Thực phẩm và đồ uống	-0.48%
Du lịch và Giải trí	-0.57%
Công nghệ Thông tin	-0.61%
Bất động sản	-0.77%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.30%
Xây dựng và Vật liệu	-1.62%
Y tế	-1.77%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.51%
Ô tô và phụ tùng	-4.15%

Hình 1

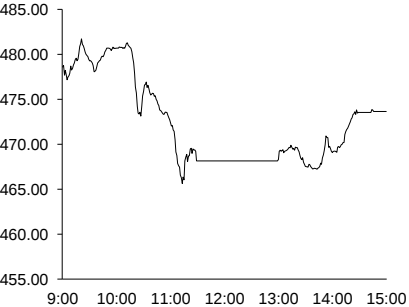
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
1/11/2022	APC	29.95	35	28.3	30.75	1	2.67%	Có thể tiếp tục mua
1/10/2022	SD9	15.1	19.5	14	14.2	2	-5.96%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/7/2022	PHC	18.3	21.3	17.7	18.45	5	0.82%	Có thể tiếp tục mua
1/6/2022	D2D	65.3	70	60	67.9	6	3.98%	Có thể tiếp tục mua
1/5/2022	GVR	38.4	43	37.5	37	7	-3.65%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
1/4/2022	HT1	23.9	28.3	22.9	23.5	8	-1.67%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/31/2021	PNJ	96	110.2	90.6	92.7	12	-3.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/29/2021	CTS	43	55.5	40	44.9	14	4.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/28/2021	LHG	50	59	48	56.2	15	12.40%	Có thể tiếp tục mua
12/23/2021	BSR	22.9	26	22	23.8	20	3.93%	Có thể tiếp tục mua
12/22/2021	TDT	14.6	17.3	13.7	13.9	21	-4.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/8/2021	PVC	14.8	18	14	17	35	14.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

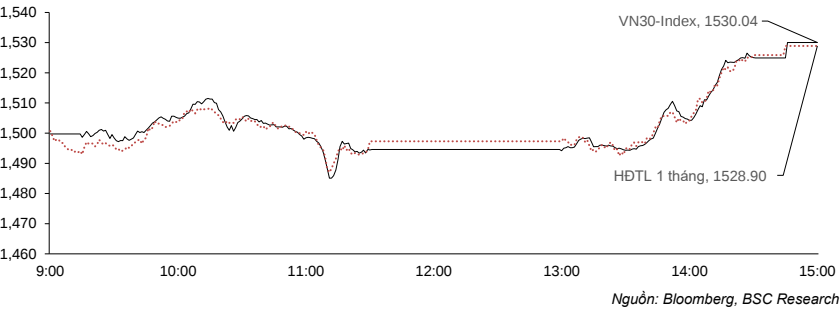
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/30/2021	HCM	45.95	56	43.45	SL	11	-5.44%
12/27/2021	TNA	15	17	16	TP	3	13.33%
12/24/2021	KHB	9.8	12	8.8	SP	6	-5.10%
12/21/2021	REE	69	76.5	67.5	SL	22	-2.17%
12/20/2021	TVB	26.75	32	25	SL	21	-6.54%
12/17/2021	TIP	52.5	61.9	48	SL	11	-8.57%
12/16/2021	DLG	8.15	10.5	7.5	TP	12	28.83%
12/15/2021	SGP	37.5	44	34.2	SL	7	-8.80%
12/14/2021	PET	32.8	39.5	30	TP	24	20.43%
12/13/2021	GEX	40.3	48	38.3	SL	9	-4.96%
12/10/2021	CTI	22.65	27	21.5	TP	19	19.21%
12/9/2021	NT2	24	26.5	23	TP	11	10.42%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	5	6.74%	-3.90%	1.90%	13
Cổ phiếu đã chốt	227	159	14.58%	-7.47%	5.50%	24

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2201	1528.90	1.68%	-1.14	37.2%	177,165	1/20/2022	10
VN30F2202	1524.00	1.33%	-6.04	167.9%	884	2/17/2022	38
VN30F2203	1539.90	1.70%	9.86	178.6%	78	3/17/2022	66
VN30F2206	1528.10	1.66%	-1.94	62.7%	83	6/16/2022	157

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 bật tăng 30.30 điểm lên 1530.04 điểm. Các cổ phiếu như TCB, STB, VPB, MBB, HPG, HDB tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 tăng điểm mạnh mẽ trong phiên giao dịch hôm nay và thành công trở về vùng 1530 -1550 điểm. VN30 nhiều khả năng sẽ duy trì nhịp tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng 1530 điểm này.

- Các HDTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, các HDTL đều tăng. Xét về vị thế mở, HĐ VN30F2202 tăng, HĐ VN30F2203 không thay đổi so với phiên hôm qua, hai HĐ còn lại đều giảm. Điểm số các HĐ tăng và lượng hợp đồng mở giảm cho thấy dòng tiền đang đóng dần vị thế tại HĐ ngắn hạn. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2113	5/4/2022	112	4:1	871,400	35.35%	1,900	1,410	18.49%	522	2.70	39,359	34,999	36,000
CVRE2114	5/24/2022	132	1:1	46,000	35.35%	1,400	4,490	12.25%	2,739	1.64	34,710	34,000	36,000
CVHM2114	5/4/2022	112	16:1	642,100	29.15%	1,200	730	5.80%	220	3.32	169,999	89,999	83,600
CVHM2110	3/7/2022	54	7.588:1	784,400	29.15%	2,100	1,140	0.00%	465	2.45	98,501	84,994	83,600
CVHM2111	4/27/2022	105	20:1	115,200	29.15%	1,300	690	0.00%	185	3.72	104,888	88,888	83,600
CMSN2104	5/4/2022	112	9.987:1	71,400	37.09%	2,300	4,200	0.00%	4,558	0.92	118,050	0	144,900
CMWG2111	4/8/2022	86	10:1	428,600	31.66%	1,700	1,400	0.00%	1,311	1.07	150,700	130,000	136,000
CHPG2113	3/7/2022	54	4:1	315,500	33.35%	2,100	880	0.00%	222	3.96	56,340	51,500	46,200
CVHM2109	2/10/2022	29	3.794:1	285,500	29.15%	1,100	270	0.00%	21	12.79	102,789	98,654	83,600
CKDH2106	2/10/2022	29	1:1	164,500	34.45%	2,300	5,890	0.00%	7,088	0.83	51,600	49,000	53,700
CMSN2107	3/14/2022	61	4.993:1	5,400	37.09%	2,000	2,750	0.00%	3,351	0.82	150,708	150,000	144,900
CVIC2106	4/27/2022	105	20:1	161,700	28.30%	1,700	890	0.00%	364	2.44	128,688	98,888	100,800
CMBB2106	1/26/2022	14	4:1	148,200	32.59%	1,950	150	0.00%	1	224.05	55,200	34,000	29,200
CHPG2117	7/1/2022	170	5:1	798,100	33.35%	1,300	820	0.00%	200	4.10	63,100	60,000	46,200
CPNJ2106	3/14/2022	61	4.968:1	6,400	30.73%	3,200	1,420	0.00%	812	1.75	136,638	98,000	92,700
CMBB2107	4/8/2022	86	2:1	633,200	32.59%	13,600	1,580	0.00%	698	2.26	33,420	30,000	29,200
CMSN2108	4/27/2022	105	19.97:1	82,700	37.09%	1,000	780	0.00%	720	1.08	192,746	159,999	144,900
CSTB2109	3/7/2022	54	2:1	2,021,500	40.92%	3,000	3,590	0.00%	2,169	1.66	34,620	29,000	34,700
CKDH2107	4/27/2022	105	8:1	399,800	34.45%	2,000	1,710	0.00%	1,596	1.07	44,048	43,888	53,700
CVHM2112	2/10/2022	29	10:1	312,600	29.15%	1,000	680	0.00%	291	2.34	91,800	84,000	83,600
Tổng				7,422,800	33.09%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 12/01/2022, phần lớn các chứng quyền phân hóa theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

- CVHM2114 và CVHM2109 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 35.62% và 34.33%. Giá trị giao dịch tăng mạnh 18.72%. CVHM2110 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.04% thị trường.

- CVHM2115, CVRE2109, CMWG2109 và CKDH2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPDR2103, CMBB2106, CVHM2112 và CVHM2114 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2107, CMWG2109, CMWG2104 và CKDH2106 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	136.0	3.2%	0.9	4,215	5.3	6,130	22.2	5.2	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	92.7	-1.5%	1.0	916	1.9	4,214	22.0	3.8	47.3%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	54.0	0.4%	1.5	1,743	1.9	2,473	21.8	1.9	26.4%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	47.5	0.0%	0.5	484	0.5	4,211	11.3	1.5	57.1%	13.7%
VIC	Bất động sản	100.8	-0.2%	0.7	16,677	10.2	1,248	80.8	3.8	13.7%	5.1%
VRE	Bất động sản	36.0	5.3%	1.1	3,557	26.5	954	37.7	2.7	30.5%	7.4%
VHM	Bất động sản	83.6	0.0%	1.0	15,827	23.5	8,883	9.4	3.2	23.6%	40.3%
DXG	Bất động sản	37.2	-1.8%	1.3	964	33.6	1,299		2.6	27.0%	10.3%
SSI	Chứng khoán	50.5	5.0%	1.5	2,157	33.1	2,172	23.3	3.7	38.3%	19.4%
VCI	Chứng khoán	66.0	2.5%	1.0	956	11.6	4,165	15.8	3.5	21.0%	26.7%
HCM	Chứng khoán	42.7	2.3%	1.5	848	7.1	2,651	16.1	3.3	41.8%	22.1%
FPT	Công nghệ	89.6	0.1%	0.9	3,535	6.8	4,443	20.2	4.8	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	71.1	0.1%	0.4	1,015	0.1	4,304	16.5	4.9	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	108.0	4.5%	1.3	8,987	6.9	4,283	25.2	4.2	2.8%	17.6%
PLX	Dầu khí	54.8	1.3%	1.5	3,027	3.3	2,650	20.7	2.8	17.2%	14.2%
PVS	Dầu khí	28.5	3.6%	1.7	592	14.3	1,186	24.0	1.1	7.9%	4.6%
BSR	Dầu khí	23.8	3.5%	0.8	3,208	12.3	(909)		2.4	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	101.2	-5.3%	0.3	575	0.6	6,020	16.8	3.7	54.2%	22.6%
DPM	Hóa chất	44.5	2.3%	0.8	757	5.8	4,018	11.1	2.0	9.1%	18.6%
DCM	Hóa chất	31.2	-1.9%	0.7	718	5.8	1,701	18.3	2.5	5.7%	13.7%
VCB	Ngân hàng	80.0	0.8%	1.1	16,461	6.2	4,465	17.9	3.5	23.5%	20.8%
BID	Ngân hàng	42.2	7.0%	1.4	9,270	14.2	1,947	21.6	2.6	16.7%	12.2%
CTG	Ngân hàng	34.2	3.5%	1.3	7,135	18.5	3,449	9.9	1.7	25.7%	18.6%
VPB	Ngân hàng	35.4	3.2%	1.2	6,842	18.2	2,781	12.7	2.5	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	29.2	4.7%	1.2	4,797	19.0	2,940	9.9	2.0	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	33.1	1.1%	1.0	3,888	11.1	3,599	9.2	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	58.0	0.3%	0.7	206	0.0	2,574	22.5	2.1	84.7%	9.1%
NTP	Nhựa	60.7	0.0%	0.5	311	0.5	3,574	17.0	2.6	18.5%	15.4%
MSR	Tài nguyên	26.5	-3.3%	0.7	1,266	1.0	39	679.5	2.1	10.1%	0.3%
HPG	Thép	46.2	2.4%	1.1	8,985	29.2	7,087	6.5	2.5	23.7%	45.6%
HSG	Thép	35.2	1.7%	1.4	755	9.9	8,458	4.2	1.6	7.6%	47.6%
VNM	Tiêu dùng	83.1	-0.7%	0.6	7,551	7.9	4,511	18.4	5.6	54.5%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	152.8	-0.1%	0.8	4,260	1.1	5,883	26.0	4.6	62.5%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	144.9	0.0%	0.9	7,437	6.7	2,031	71.3	8.0	31.5%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	25.5	-0.4%	1.2	698	6.5	1,066	23.9	2.0	6.9%	8.3%
ACV	Vận tải	86.1	-1.4%	0.8	8,149	0.3	577	149.2	5.0	3.8%	3.4%
VJC	Vận tải	123.2	-0.5%	1.1	2,901	3.3	2,271		3.9	16.4%	7.7%
HVN	Vận tải	23.0	-0.4%	1.7	2,210	1.6	(6,523)		21.2	6.0%	-267.4%
GMD	Vận tải	44.4	-3.2%	1.0	581	5.2	1,443	30.7	2.3	40.8%	7.4%
PVT	Vận tải	23.9	2.1%	1.3	336	3.3	2,443	9.8	1.6	12.8%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	110.1	-1.4%	0.8	766	0.5	10,231	10.8	3.7	3.8%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	54.0	-1.8%	0.4	1,053	5.3	2,122	25.5	3.7	3.5%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	23.5	3.1%	0.9	390	2.3	1,212	19.4	1.6	2.5%	8.2%
CTD	Xây dựng	112.0	5.2%	1.0	360	5.5	727	154.0	1.0	47.2%	0.7%
CII	Xây dựng	52.7	-6.9%	0.7	548	2.2	12	4450.5	2.7	13.1%	0.1%
REE	Điện	66.1	0.2%	-1.4	888	1.4	5,541	11.9	1.6	49.0%	14.7%
PC1	Điện	38.1	0.0%	-0.4	390	4.0	2,804	13.6	1.9	4.9%	16.5%
POW	Điện	18.2	-2.7%	0.6	1,848	34.1	1,240	14.6	1.4	2.8%	10.0%
NT2	Điện	25.7	2.8%	0.5	322	1.4	2,063	12.5	1.8	13.9%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	58.9	6.9%	1.1	1,459	32.3	1,706	34.5	2.1	16.3%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	79.9	6%	1.1	3,596	5.2			5.4	2.1%	

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	42.15	6.98	2.93	8.03MLN
GAS	108.00	4.55	2.39	1.48MLN
TCB	50.40	4.02	1.82	12.04MLN
CTG	34.15	3.48	1.47	12.78MLN
HPG	46.20	2.44	1.31	14.69MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
DIG	-0.01	-1.10	13.76MLN	1.11MLN
GEX	-0.01	-0.78	27.59MLN	607060
PDR	0.00	-0.34	4.01MLN	373600
VNM	0.00	-0.33	2.18MLN	192700
TCH	-0.01	-0.32	25.64MLN	611640

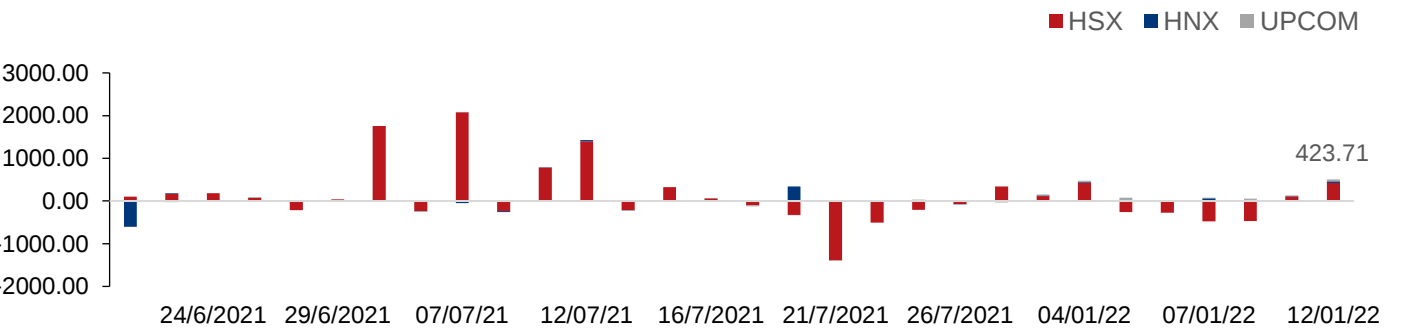
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	42.15	6.98	2.93	8.03MLN
TPB	43.00	6.97	1.18	18.62MLN
PVD	31.55	6.95	0.23	13.69MLN
BAF	57.00	6.94	0.08	2.09MLN
STB	34.70	6.93	1.13	62.42MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HQC	9.30	-7.00	-0.09	16.76MLN
PXI	8.37	-7.00	-0.01	1.02MLN
LDG	25.25	-7.00	-0.12	18.90MLN
AMD	8.91	-6.99	-0.03	1.23MLN
GEX	45.90	-6.99	-0.78	27.59MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	31.2	1,267	24.6	1.6	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	23.8	-909	#N/A N/A	2.4	Click
4	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	82.5	-511	#N/A N/A	7.6	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	39.4	3,855	10.2	1.6	Click
6	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	72.0	8,518	8.5	1.7	Click
7	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	31.2	1,701	18.3	2.5	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	149.9	7,258	20.7	5.2	Click
9	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	121.0	4,942	24.5	7.4	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	78.5	5,988	13.1	4.0	Click
11	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	44.5	4,018	11.1	2.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	31.0	2,633	11.8	2.1	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	37.2	1,299	28.6	2.6	Click
14	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	23.5	839	28.0	1.4	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	89.6	4,443	20.2	4.8	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	108.0	4,283	25.2	4.2	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.2	7,087	6.5	2.5	Click
18	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	35.2	8,458	4.2	1.6	Click
19	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	19.5	-1,113	#N/A N/A	1.8	Click
20	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	23.0	1,655	13.9	1.1	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	16.0	1,251	12.8	1.1	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	53.7	1,856	28.9	3.5	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	56.2	6,706	8.4	2.0	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	34.3	3,858	8.9	1.0	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	75.0	8,024	9.3	2.4	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	136.0	6,130	22.2	5.2	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	37.1	9,467	3.9	1.5	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	57.5	4,331	13.3	2.5	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	25.7	2,063	12.5	1.8	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	38.1	2,804	13.6	1.9	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	36.8	2,201	16.7	1.9	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	92.7	4,214	22.0	3.8	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	92.7	4,214	22.0	3.8	Click
34	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	18.2	1,240	14.6	1.4	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	66.1	5,541	11.9	1.6	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	25.5	1066.2	23.9	2.0	Click
37	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	32.5	1,064	30.5	3.3	Click
38	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	41.3	16,115	2.6	1.1	Click
39	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	66.0	2,570	25.7	4.7	Click
40	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	26.0	3,114	8.3	3.0	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	27.4	570	48.1	2.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	63.9	4,475	14.3	2.0	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	83.1	4,511	18.4	5.6	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	36.0	954	37.7	2.7	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	40.4	3306.9	12.2	2.0	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.7	1,559	18.4	1.8	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	71.5	3,256	22.0	6.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
2	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
5	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
6	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
8	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
11	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
13	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
14	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
21	Banking Sector Outlook		x	Click
22	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
24	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
25	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
26	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
27	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
29	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
30	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
31	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
32	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
34	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
35	Fishery Outlook 2021		x	Click
36	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
37	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
38	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
40	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
41	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
42	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639